

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH
QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Tuyên Quang, năm 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 - 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo
 - 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
 - 2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào
 - 2.2. Tầm nhìn
 - 2.3. Sứ mạng
 - 2.4. Mục tiêu chiến lược
 - 2.5. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa.....
 - 2.6. Tầm nhìn
 - 2.7. Sứ mạng
 - 2.8. Mục tiêu của chương trình
3. CHUẨN ĐẦU RA
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
 - 5.1. Thông tin tuyển sinh
 - 5.2. Quy trình đào tạo
 - 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY
 - 6.1. Đội ngũ giảng viên
 - 6.2. Cơ sở vật chất
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
 - 7.1. Các phương pháp dạy học
 - 7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
 - 8.1. Quy trình đánh giá
 - 8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
 - 9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa
 - 9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
 - 9.3. Nội dung chương trình
 - 9.4. Kế hoạch giảng dạy
 - 9.5. Bản đồ dạy học
 - 9.6. Tóm tắt nội dung học phần
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM
ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
12. PHỤ LỤC
 - 12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt
 - 12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần
 - 12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)

12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)

12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).

1.THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được điều chỉnh năm 2022 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan. Sinh viên học tập tại ngành Quản lý đất đai được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một cử nhân có chất lượng cao và đảm bảo công việc trong lĩnh vực.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (tiếng Việt): Quản lý đất đai
- Tên chương trình (tiếng Anh): *Land Management*
- Mã ngành đào tạo: 7850103
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân
- Trình độ đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH^(*)

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.2. Sứ mạng

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và

phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Nông – Lâm – Ngư nghiệp

2.2.1. Chức năng: Thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và làm các dịch vụ đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, hợp tác Quốc tế.

2.2.2. Nhiệm vụ:

- Đào tạo các trình độ đại học và cao đẳng với các loại hình đào tạo chính quy, vừa làm, vừa học, liên thông;

- Đào tạo lại, đào tạo nâng cao, liên kết đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức, cán bộ nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế - xã hội tại địa phương;

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác nhau theo mục tiêu, chương trình giáo dục;

- Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp;

- Xây dựng chương trình biên soạn giáo trình đào tạo các lĩnh vực thuộc Khoa giảng dạy;

- Nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cũng như khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, từ đó áp dụng vào giảng dạy tốt hơn thông qua việc đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp;

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý đất đai có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản; có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Mục tiêu cụ thể:

MT1: Nắm vững nguyên lý về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, các kiến thức về khoa học tự nhiên- xã hội.

MT2: Có kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các công việc trong lĩnh vực quản lý đất đai.

MT3: Kỹ năng thực hành về các hoạt động chuyên môn phục vụ công tác quản lý đất đai đạt hiệu quả.

MT4: Có kỹ năng cơ bản về ngoại ngữ, tin học; giao tiếp ứng xử, phối hợp, làm việc nhóm và khả năng thuyết trình.

MT5: Có khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn; có tinh thần khởi nghiệp; khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết được những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý và sử dụng đất.

3. CHUẨN ĐẦU RA ()**

- Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước..

- Áp dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, hóa học, xã hội học trong công tác quản lý đất đai.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về giao đất, thu hồi đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thanh tra, định giá đất.

- Đánh giá được các kiến thức về trắc địa, viễn thám, đo đạc bản đồ, quy hoạch, tin học ứng dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Sử dụng thành thạo các máy loại thiết bị chuyên dụng, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn

- Xây dựng được phương án quy hoạch, các hồ sơ pháp lý liên quan trong công tác quản lý và sử dụng đất.

- Thực hiện thống kê, kiểm kê, thanh tra, xây dựng giá đất, tư vấn về bất động sản, tài chính trong lĩnh vực đất đai.

- Khả năng thuyết trình, tự lập nghiệp, ứng xử linh hoạt và đánh giá kết quả chuyên môn của bản thân, đồng nghiệp.

- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm đối với nhóm về các vấn đề cần giải quyết.

- Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).

- Có khả năng tư duy độc lập, làm việc nhóm, chủ động, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ; bố trí, quản lý quỹ thời gian hợp lý.

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao; tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, có khả năng tự định hướng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM ^()**

- Cán bộ/chuyên viên tại Ủy ban nhân dân các cấp; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường

- Công chức địa chính cấp xã.

- Cán bộ/chuyên viên tại Viện Khoa học đo đạc bản đồ, Tổng công ty tài nguyên và môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai; Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường các tỉnh.

- Nhân viên tại các công ty tư vấn về đất đai, bất động sản... hoạt động trong lĩnh vực đất đai và bất động sản...

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ^()**

5.1. Thông tin tuyển sinh

Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Chương II, chương IV, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng đề nghị xét tốt nghiệp.
- Nộp đầy đủ học phí, kinh phí đào tạo theo quy định của trường;
- Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường đối với từng ngành cụ thể.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Khoa Nông - Lâm ngư nghiệp có 15 giảng viên sinh hoạt chuyên môn tại khoa và 01 chuyên viên trong đó có 07 tiến sĩ, 08 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên của Khoa được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng.

6.2. Cơ sở vật chất

Khoa Nông - Lâm ngư nghiệp có một khu giảng đường riêng gồm có phòng học và phòng thí nghiệm, các phòng thực hành, thí nghiệm đều có trang thiết bị, máy móc hiện đại phù hợp với từng chuyên ngành phục vụ cho công việc học tập, giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó còn có Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao khoa học công nghệ phục cho công việc thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên của Khoa.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP ^(*)

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của

học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ()**

8.1. Quy trình đánh giá

Theo Điều 17,18,19, Chương III, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Theo Điều 17,18,19, Chương III, Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ()**

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (*không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh*), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 29 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ;
- Kiến thức bổ trợ: 03 tín chỉ;
- Thực tập: 8 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra		
Mã HP	Học phần	Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực

		Cứng					Mềm					TC và TN		
		CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐR 12	
A. Kiến thức giáo dục đại cương														
I. Lý luận chính trị														
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2												
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2												
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2												
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2												
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2												
II. Ngoại ngữ														
NN2.1.001.3	Tiếng anh 1										2			
NN2.1.002.3	Tiếng anh 2										2			
NN2.1.003.3	Tiếng anh 3										2			
III. Tin học														
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2		3									
IV. Khoa học tự nhiên														
TN2.1.109.3	Xác suất và thống kê B		2											
TN2.1.301.2	Hóa học đại cương		2											
V. Khoa học xã hội														
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2												
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2									1		
VI. Giáo dục thể chất														
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	3												
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3												
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3												
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3												
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3												
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3												

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực TC và TN		
		Cứng		Mềm				CD R 11	CD R 12					
		CD R 1	CD R 2	CD R 3	CD R 4	CD R 5	CD R 6			CD R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10	
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3												
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3												
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3												
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	3												
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	3												
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	3												
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	3												
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	3												
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	3												
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)													
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	3												
VII. Giáo dục Quốc phòng - An ninh														
TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3												
TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	3												
TC2.1.016.2	GDQP – An ninh 3	3												
TC2.1.017.2	GDQP – An ninh 4	3												
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
I. Kiến thức cơ sở ngành														
Bắt buộc														
NL2.1.045.3	Pháp luật đất đai			2									2	
NL2.1.137.3	Quản lý nhà nước về đất đai				2								2	
NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng				2		2							2
NL2.1.047.3	Đánh giá đất				2								2	
NL2.1.041.2	Bản đồ học				3				3					2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực TC và TN	
							Cứng			Mềm			
		CD R 1	CD R 2	CD R 3	CD R 4	CD R 5	CD R 6	CD R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10	CD R 11	CD R 12
NL2.1.052.3	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội				2								2
Tự chọn (chọn 9 trong 14 tín chỉ)													
NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường		2							1			3
NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)				2	2						1	
NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường			2						2			
NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp									2		2	2
NL2.1.061.3	Cơ sở dữ liệu đất đai				3				2				1
NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án								2			2	
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
NL2.1.042.2	Trắc địa I					3			1			2	
NL2.1.048.4	Trắc địa II					3			2				2
NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn							2				2	
NL2.1.058.2	Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu		2										1
NL2.1.053.3	Định giá đất và bất động sản							3	2			2	
NL2.1.065.3	Giao đất, thu hồi đất			3								2	
NL2.1.071.3	Hệ thống định vị toàn cầu				3				2			2	
Tự chọn (chọn 10 trong 12 tín chỉ)													
NL2.1.046.2	Môi trường và phát triển bền vững (HPTC)		2										1
NL2.1.007.3	Ô nhiễm môi trường		2							1			3
NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám				3				2			2	
NL2.1.062.3	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản		2							1			3
NL2.1.068.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							2			1
III. Kiến thức chuyên ngành													

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực TC và TN		
		Cứng		Mềm				CD R 11	CD R 12					
		CD R 1	CD R 2	CD R 3	CD R 4	CD R 5	CD R 6			CD R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10	
Bắt buộc														
NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất				3								2	
NL2.1.056.4	Đăng ký, thống kê đất đai						3		2					2
NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính				3				2				2	
NL2.1.064.4	Thanh tra đất đai			3									2	
NL2.1.075.4	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ					3							2	2
Tự chọn (chọn 6 trong 8 tín chỉ)														
NL2.1.057.3	Thị trường bất động sản			3									2	
NL2.1.059.3	Kinh tế đất			3									2	
NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS)				2								2	
IV. Kiến thức bổ trợ														
KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh						2			2				1
V. Thực tập														
NL2.1.148.4	Thực tập 1: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký, thống kê đất đai				3								2	
NL2.1.072.4	Thực tập 2: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai						3	2						2
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
<i>VI.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>														
NL2.1.074.10	Khóa luận tốt nghiệp												3	
<i>VI.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>														
NL2.1.140.2	Thuế nhà đất			2										2
NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở			3					2				2	
NL2.1.154.3	Thực tập đo vẽ bản đồ địa chính					3			2					2
NL2.1.155.3	Rèn nghề Thanh tra đất đai			3									2	
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 130 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)														

Ghi chú: 0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhỏ và hiếm; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo

9.3. Nội dung chương trình

SốTT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			30					
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	43	2		Không	
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5		LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1		LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10		LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9					
6	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1	3	22	23		Không	
7	NN2.1.002.3	Tiếng anh 2	3	22	23		NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng anh 3	3	22	23		NN2.1.002.3	
III. Tin học			2					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		Không	
IV. Khoa học tự nhiên			4					
10	TN2.1.109.2	Xác suất và thống kê B	2	14	16		TN2.1.113.3	
11	TN2.1.301.2	Hóa học đại cương	2	13	14	10	Không	
V. Khoa học xã hội			4					
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1		LL2.1.040.3	
13	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16		không	
VI. Giáo dục thể chất								
14	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2	2	28		Không	
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01								

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	
<i>trong các học phần sau</i>								
15	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	41			
16	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4	41			
17	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4	41			
18	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	42			
19	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	43			
20	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	2	43			
21	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	41			
22	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2	43			
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:								
23	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2		30			
24	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2		30			
25	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2		30			
26	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2		30			
27	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	28			
28	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2		30			
29	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2		30			
30	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	27			
VII. Giáo dục Quốc phòng - An ninh								

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	
31	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3	45				Không
32	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	30				Không
33	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14	16			Không
34	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4		56		Không
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			100					
I. Kiến thức cơ sở ngành			25					
Bắt buộc			16					
35	NL2.1.045.3	Pháp luật đất đai	3	28	17			LL2.1.007.2
36	NL2.1.137.3	Quản lý nhà nước về đất đai	3	28	17			NL2.1.045.3
37	NL2.1.044.2	Thổ nhưỡng	2	20	10			TN2.1.301.3
38	NL2.1.047.3	Đánh giá đất	3	21	2	42		NL2.1.044.2
39	NL2.1.041.2	Bản đồ học	2	14	16			NL2.1.045.3
40	NL2.1.052.3	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội	3	29	16			NL2.1.045.3
Tự chọn (chọn 9 trong 14 tín chỉ)			9					
41	NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường	3	23	22			NL2.1.045.3N L2.1.0242.2
42	NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	15	15			TN2.1.501.2
43	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường	2	20	1	38		TN2.1.405.2
44	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp	2	19	1	20		NL2.1.044.2
45	NL2.1.061.3	Cơ sở dữ liệu đất đai	3	29	1	50		TN2.1.501.2, NL2.1.137.3
46	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án	2	19	1	20		Không
II. Kiến thức ngành			29					

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	
Bắt buộc			19					
47	NL2.1.042.2	Trắc địa I	2	15	15		NL2.1.041.2	
48	NL2.1.048.4	Trắc địa II	4	12	48		NL2.1.042.2	
49	NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2	19	11		NL2.1.052.3	
50	NL2.1.058.2	Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu	2	19	11		NL2.1.052.2	
51	NL2.1.053.3	Định giá đất và bất động sản	3	21	24		NL2.1.045.3	
52	NL2.1.065.3	Giao đất, thu hồi đất	3	24	21		NL2.1.055.4	
53	NL2.1.071.3	Hệ thống định vị toàn cầu	3	20	25		NL2.1.042.2; NL2.1.048.4	
Tự chọn (chọn 10 trong 12 tín chỉ)			10					
54	NL2.1.007.3	Ô nhiễm môi trường	3	20	25		NL2.1.046.2	
55	NL2.1.046.2	Môi trường và phát triển bền vững	2	19	11		NL2.1.007.2	
56	NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám	2	21	9		NL2.1.042.2; NL2.1.041.2	
57	NL2.1.062.3	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	3	28	17		NL2.1.045.3; NL2.1.046.2	
58	NL2.1.068.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	15	15		TN2.1.109.3	
III. Kiến thức chuyên ngành			25					
Bắt buộc			19					
59	NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất	4	14	46		NL2.1.047.3	
60	NL2.1.056.4	Đăng ký, thống kê đất đai	4	29	31		NL2.1.045.3	
61	NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính	3	29	16		NL2.1.137.3	
62	NL2.1.064.4	Thanh tra đất đai	4	14	46		NL2.1.065.3	
63	NL2.1.075.4	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	4	14	46		NL2.1.042.2; NL2.1.043.3	

SốTT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	
Tự chọn (chọn 6 trong 8 tín chỉ)			6					
64	NL2.1.057.3	Thị trường bất động sản	3	23	22			NL2.1.053.3
65	NL2.1.059.3	Kinh tế đất	3	15	30			NL2.1.045.2
66	NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2	19	11			TN2.1.501.2
IV. Kiến thức bổ trợ			3					
67	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	15	30			Không
V. Thực tập			8					
68	NL2.1.148.4	Thực tập 1: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký, thông kê đất đai	4				200	NL2.1.055.4 NL2.1.056.4
69	NL2.1.072.4	Thực tập 2: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai	4				200	NL2.1.137.3
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			10					
<i>VI.1. Khóa luận tốt nghiệp</i>			10					
70	NL2.1.074.10	Khóa luận tốt nghiệp	10					NL2.1.045.2
<i>VI.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>			10					
71	NL2.1.140.2	Thuế nhà đất	2	15	15			NL2.1.065.3
72	NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở	2	21	9			NL2.1.056.4
73	NL2.1.154.3	Thực tập đo vẽ bản đồ địa chính	3				150	NL2.1.043.3
74	NL2.1.155.3	Rèn nghề thanh tra đất đai	3				150	NL2.1.064.4
Tổng số tín chỉ toàn khóa: (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			130	1180	1368	194	700	

9.4. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8

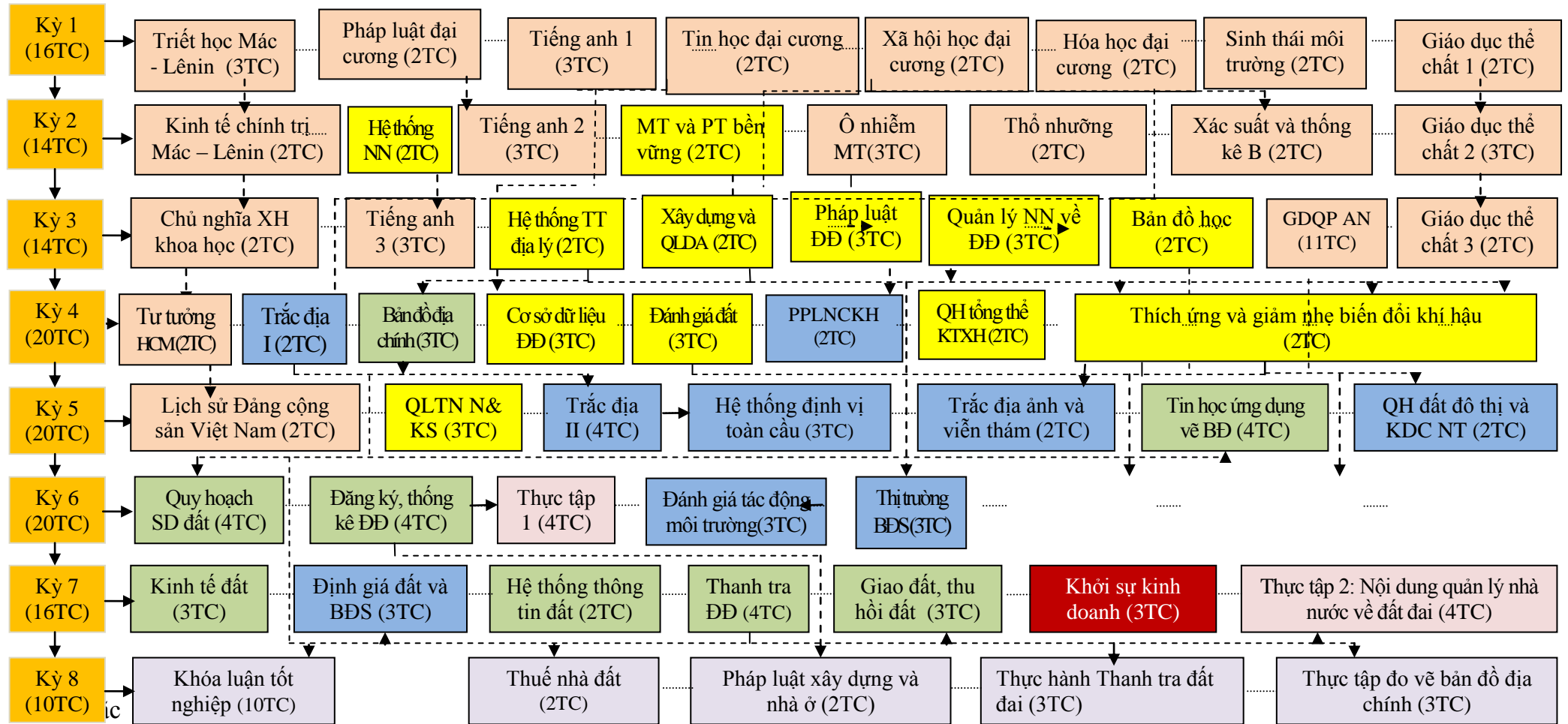
STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	Không	3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng anh 1	Không	3	3								
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	Không	2	2								
4	TN2.1.301.2	Hóa học đại cương	Không	2	2								
5	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	Không	2	2								
6	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	không	2	2								
7	NL2.1.016.2	Sinh thái môi trường (HPTC)	TN2.1.405.2	2	2								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1	không	2	2								
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LL2.1.040.3	2		2							
10	NN2.1.002.3	Tiếng anh 2	NN2.1.001.3	3		3							
11	NL2.1.046.2	Môi trường và phát triển bền vững (HPTC)	NL2.1.007.2	2		2							
12	NL2.1.007.3	Ô nhiễm môi trường (HPTC)	NL2.1.016.2	3		3							
13	TN2.1.109.2	Xác suất và thống kê B	TN2.1.113.3	2		2							
14	NL2.1.044.2	Thỏ nhưỡng	TN2.1.301.3	2		2							
15	NL2.1.050.2	Hệ thống nông nghiệp (HPTC)	NL2.1.044.2	2		2							
16	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	TC2.1.001.2	3		3							
17	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	TC2.1.001.2	3		3							
18	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	TC2.1.001.2	3		3							
19	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	TC2.1.001.2	3		3							
20	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	TC2.1.001.2	3		3							
21	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 1)	TC2.1.001.2	3		3							
22	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	TC2.1.001.2	3		3							
23	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	TC2.1.001.2	3		3							
24	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1		3			3						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
25	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2		2			2						
26	TC2.1.016.3	GDQP – An ninh 3		3			3						
27	TC2.1.017.3	GDQP – An ninh 4		3			3						
28	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2						
29	NN2.1.003.3	Tiếng anh 3	NN2.1.002.3	3			3						
30	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)		2			2						
31	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2			2						
32	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)		2			2						
33	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)		2			2						
34	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)		2			2						
35	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)		2			2						
36	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)		2			2						
37	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)		2			2						
38	NL2.1.045.3	Pháp luật đất đai	LL2.1.007.2	3			3						
39	NL2.1.137.3	Quản lý nhà nước về đất đai	NL2.1.045.3	3			3						
40	NL2.1.041.2	Bản đồ học	NL2.1.045.3	2			2						
41	NL2.1.141.2	Xây dựng và quản lý dự án (HPTC)	không	2			2						
42	NL2.1.049.2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) (HPTC)	TN2.1.501.2	2			2						
43	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2			2						
44	NL2.1.042.2	Trắc địa I	TN2.1.250.2 TN2.1.113.3	2			2						
45	NL2.1.043.3	Bản đồ địa chính	NL2.1.137.2	3			3						
46	NL2.1.061.3	Cơ sở dữ liệu đất đai (HPTC)	NL2.1.137.2	3			3						
47	NL2.1.052.3	Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội	NL2.1.045.2	3			3						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
48	NL2.1.068.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (HPTC)	TN2.1.109.3	2				2					
49	NL2.1.047.3	Đánh giá đất	NL2.1.044.2	3				3					
50	NL2.1.058.2	Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu	NL2.1.052.2	2				2					
51	NL2.1.062.3	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản- (HPTC)	NL2.1.045.2	3					3				
52	NL2.1.069.2	Trắc địa ảnh và viễn thám (HPTC)	NL2.1.041.2 NL2.1.042.2	2					2				
53	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2				
54	NL2.1.048.4	Trắc địa II	NL2.1.042.2	4					4				
55	NL2.1.071.3	Hệ thống định vị toàn cầu	NL2.1.042.2 NL2.1.048.4	3					3				
56	NL2.1.075.4	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	NL2.1.042.2 NL2.1.043.3	4					4				
57	NL2.1.066.2	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	NL2.1.052.2	2					2				
58	NL2.1.055.4	Quy hoạch sử dụng đất	NL2.1.047.3	4						4			
59	NL2.1.056.4	Đăng ký, thống kê đất đai	NL2.1.045.2	4						4			
60	NL2.1.148.4	Thực tập 1: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký, thống kê đất đai	NL2.1.055.4 NL2.1.056.4	4						4			
61	NL2.1.051.3	Đánh giá tác động môi trường(HPTC)	NL2.1.045.2	3						3			
62	3NL2.1.057.3	Thị trường bất động sản(HPTC)	NL2.1.045.2	3						3			
63	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	không	3								3	
64	NL2.1.059.3	Kinh tế đất (HPTC)	NL2.1.045.2	3								3	
65	NL2.1.065.2	Giao đất, thu hồi đất	NL2.1.045.2	3								3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
66	NL2.1.067.2	Hệ thống thông tin đất (LIS) (HPTC)	TN2.1.501.2	2								2	
67	NL2.1.064.4	Thanh tra đất đai	NL2.1.045.2	4								4	
68	NL2.1.053.3	Định giá đất và bất động sản	NL2.1.045.2	3								3	
69	NL2.1.072.4	Thực tập 2: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai	NL2.1.137.2	4								4	
70	NL2.1.074.10	Khóa luận tốt nghiệp	NL2.1.045.2	10									10
71	NL2.1.140.2	Thuế nhà đất	NL2.1.045.2	2									2
72	NL2.1.142.2	Pháp luật xây dựng và nhà ở	NL2.1.056.4	2									2
73	NL2.1.154.3	Thực tập đo vẽ bản đồ địa chính	NL2.1.043.3	3									3
74	NL2.1.155.3	Rèn nghề Thanh tra đất đai	NL2.1.064.3	3									3
				130	16	16	15	17	18	18	20	10	

9.5. Bản đồ chương trình dạy học



Ghi chú: Học phần học song hành: Kiến thức giáo dục đại cương
 Học phần tiên quyết: Kiến thức cơ sở ngành
 Kiến thức ngành Kiến thức chuyên ngành
 Kỳ học, số tín chỉ:
 Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

9.6. Mô tả nội dung các học phần

9.6.1. *Triết học Mác – Lênin (3TC)*

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.6.2. *Kinh tế chính trị học Mác – Lênin (2TC)*

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.6.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)*

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

9.6.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)*

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

9.6.5. *Lịch sử Đảng Cộng Việt Nam (2TC)*

Điều kiện tiên quyết Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh

đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

9.6.6. Tiếng Anh 1 (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.7. Tiếng Anh 2: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh .

9.6.8. Tiếng Anh 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần còn trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,...

Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, ... ; Cung cấp cho người học luyện các kỹ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

9.6.9. Tin học đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.10. Xác suất và thống kê B: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp đại cương

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về xác suất của biến cố, đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê và phân tích tương quan hồi quy.

9.6.11. Hóa học đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về: Cấu tạo chất, những khái niệm cơ bản về nhiệt hóa học, cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, dung dịch, điện hóa, thực hành.

9.6.12. Pháp luật đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, nhà nước và pháp luật nước CHXHCN Việt Nam; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

9.6.13. Xã hội học đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần gồm có 7 bài về các vấn đề như: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; Một số khái niệm cơ bản của Xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của Xã hội học, Cơ cấu xã hội

9.6.14. Giáo dục thể chất 1 (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.15. Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.16. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.17. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.18. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.19. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.20. Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.21. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.22. Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.23. Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.24. Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.25. Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng chuyền; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.26. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.27. Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn võ thuật; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.28. Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn điền kinh; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.29. Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.30. Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bơi lội; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.31. Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của CN Mác Lê Nin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

9.6.32. Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch đối với cách mạng VN; Phòng chống dịch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng VN; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Những vấn đề

cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

9.6.33. Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về: Đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.

9.6.34. Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về các kiến thức về :Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK, tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài, tùng người trong chiến đấu tấn công, phòng ngự, canh gác

9.6.35. Pháp luật đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đất đai nghiên cứu các vấn đề cơ bản nhất về: Chính sách pháp luật đất đai; quyền của nhà nước đối với đất đai; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chế độ sử dụng đất.

9.6.36. Quản lý nhà nước về đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Quản lý hành chính về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về đất đai nói riêng; quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta; nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

9.6.37. Thổ nhưỡng: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

Học phần Thổ nhưỡng bao gồm những kiến thức cơ bản về: Khoáng vật và đá hình thành đất; sự hình thành đất; sinh vật đất; chất hữu cơ của đất; keo đất và khả năng hấp phụ của keo đất; phản ứng của đất; thành phần hóa học và dinh dưỡng trong đất; thành phần chất hữu cơ và kết cấu đất; nước trong đất; không khí và nhiệt trong đất; một số tính chất vật lý, cơ lý của đất; xói mòn đất, ô nhiễm đất; độ phì nhiêu của đất; phân loại đất; đất vùng đồng bằng và ven biển Việt Nam; đất đồi núi Việt Nam

9.6.38. Đánh giá đất: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần bao gồm những hiểu biết cơ bản nhất về phương pháp đánh giá đất theo FAO, đơn vị bản đồ đất đai, xác định loại hình sử dụng đất, phân hạng thích hợp đất đai, đánh giá đất theo chỉ dẫn của FAO ở Việt Nam.

9.6.39. Bản đồ học: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển, vai trò của bản đồ trong thực tiễn và khoa học; cơ sở toán học của bản đồ; phương pháp thể hiện và tổng quát hóa bản đồ; nội dung, cách phân mảnh, cách sử dụng bản đồ địa hình; nội dung và các bước thành lập bản đồ chuyên đề.

9.6.40. Đánh giá tác động môi trường: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường; phát triển bền vững và đánh giá tác động môi trường; bản chất của hệ môi trường, nguyên lý đánh giá tác động môi trường; yêu cầu của việc xây dựng và sử dụng các kỹ thuật/phương pháp đánh giá tác động môi trường trong một dự án ĐTM (Đánh giá tác động môi trường). Nghiên cứu chi tiết một số kỹ thuật và phương pháp thường dùng để nhận dạng; đánh giá và dự báo các tác động môi trường tiềm tàng của một dự án trong quá trình thực hiện ĐTM; các quy định cũng như thủ tục xin thẩm định; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

9.6.41. Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy trình quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đã áp dụng trên thế giới và Việt Nam.

9.6.42. Hệ thống thông tin địa lý (GIS): 2TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần gồm kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); cấu trúc cơ sở dữ liệu; các chức năng trong GIS; những phát triển mới trong GIS.

9.6.43. Sinh thái môi trường: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương.

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về Sinh thái học: Mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường với các cấp độ của tổ chức sống (cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái); về tài nguyên môi trường: các chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; những kiến thức này làm cơ sở cho việc bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sinh viên còn được nghiên cứu thêm một số bài thực hành về sinh thái học, mô hình Nông – Lâm kết hợp và về môi trường.

9.6.44. Hệ thống nông nghiệp: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Thổ nhưỡng

Học phần bao gồm những kiến thức về hệ thống nông nghiệp, hộ nông dân, trang trại nông hộ, ứng dụng một số phương pháp đánh giá nhanh nông thôn, thử nghiệm và mở rộng kết quả sản xuất.

9.6.45. Cơ sở dữ liệu đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước đất đai

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ SQL và cơ sở dữ liệu đất đai; thiết kế tạo lập bảng dữ liệu, thiết kế biểu mẫu (Form), sử dụng ngôn ngữ SQL đơn giản và sử dụng ngôn ngữ SQL nâng cao

9.6.46. Xây dựng và quản lý dự án: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về quản lý, xây dựng, phân tích, thẩm định, giám sát và đánh giá dự án.

9.6.47. Trắc địa I: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Vật lý đại cương, Toán cao cấp đại cương

Học phần bao gồm các kiến thức chung về trắc địa; các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, bài toán trắc địa thuận, nghịch; các kiến thức về máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn, máy toàn đạc; phương pháp đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao; phương pháp đo chi tiết và tính diện tích.

9.6.48. Trắc địa II: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Trắc địa I

Học phần bao gồm các kiến thức về sai số đo; các mạng lưới khống chế trắc địa; phương pháp bình sai mạng lưới trắc địa; thực hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính của một khu đất.

9.6.49. Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ cấu dân cư trong phạm vi vùng lãnh thổ; đô thị và quá trình phát triển đô thị; quy hoạch xây dựng phát triển đô thị; di dân cư nông thôn và quá trình phát triển và quy hoạch xây dựng và phát triển điểm dân cư nông thôn.

9.6. 50. Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu 2TC

Điều kiện tiên quyết

Học phần bao gồm những kiến thức về thiên tai, biến đổi khí hậu và các tác động đối với hoạt động sống của con người cũng như trong lĩnh vực ngành nghề đang học, các biện pháp phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

9.6.51. Định giá đất và bất động sản: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Định giá đất và bất động sản gồm những vấn đề chung về đất đai và bất động sản; giá đất và cơ sở khoa học xác định giá; định giá đất và nguyên tắc, phương pháp định giá đất, định giá bất động sản.

9.6.52. Thị trường bất động sản: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về pháp luật về bất động sản; đăng ký bất động sản; thông tin bất động sản; quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản và

thực trạng và một số giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.

9.6.53. Hệ thống định vị toàn cầu: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Trắc địa I, II

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về hệ tọa độ thường dùng trong Trắc địa vệ tinh, các hệ thống thời gian, định luật Kepler, các phương pháp quan sát vệ tinh; hệ thống định vị toàn cầu; sử dụng một số máy GPS thông dụng.

9.6.54. Ô nhiễm môi trường: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

Học phần bao gồm các kiến thức về: Tổng quan ô nhiễm môi trường; tác nhân, tác hại và biện pháp phòng, xử lý ô nhiễm các loại môi trường đất, nước, không khí và chất rắn.

9.6.55. Môi trường và phát triển bền vững: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

Học phần bao gồm các kiến thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên và các mối quan hệ với phát triển kinh tế xã hội.

9.6.56. Trắc địa ảnh và viễn thám: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Trắc địa I, bản đồ học

Học phần bao gồm các kiến thức về hình học cơ bản của phép đo trong chụp ảnh hàng không; lý thuyết về đoán đọc và điều vẽ ảnh; những khái niệm cơ bản về vệ tinh; lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng nghiên cứu; giới thiệu các phần mềm xử lý ảnh và các phần mềm quản lý bản đồ cũng như quy trình thành lập các bản đồ chuyên ngành quản lý đất đai.

9.6.57. Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần mô tả tổng quan về tài nguyên nước, tài nguyên nước ở Việt Nam, tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam, nội dung chính trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản ở Việt Nam.

9.6.58. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2TC

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê B

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về: Lý thuyết nghiên cứu khoa học; đặt giả thuyết và lập kế hoạch cho một nghiên cứu khoa học; thông tin và thu thập thông tin khoa học về tài nguyên môi trường; mô hình toán học và phân tích số liệu trong tài nguyên môi trường; mô hình hoá trong nghiên cứu tài nguyên môi trường; tài liệu trích dẫn và trích dẫn tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học.

9.6.59. Quy hoạch sử dụng đất: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Đánh giá đất.

Học phần Quy hoạch sử dụng đất nghiên cứu các vấn đề về cơ sở lý luận của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

9.6.60. Đăng ký, thông kê đất đai: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Đăng ký, thông kê đất đai gồm những kiến thức chung về đăng ký đất đai. Đăng ký lần đầu và đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính. Một số vấn đề chung về thông kê, kiểm kê đất đai; hệ thống chỉ tiêu và biểu thông kê, kiểm kê; phương pháp và chế độ báo cáo thông kê, kiểm kê đất đai.

9.6.61. Bản đồ địa chính: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước đất đai

Học phần gồm kiến thức cơ bản về khái quát bản đồ địa chính, cơ sở toán học bản đồ địa chính; quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; sử dụng, cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính; trình bày bản đồ địa chính.

9.6.62. Thanh tra đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Thanh tra đất đai nghiên cứu những vấn đề về những quy định chung về thanh tra, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra đất đai, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai

9.6.63. Tin học ứng dụng vẽ bản đồ: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Bản đồ địa chính, Trắc địa I...

Học phần bao gồm những kiến thức về xây dựng cơ sở dữ liệu, mô hình dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu bản đồ ; sử dụng phần mềm Microstation, Famis và hệ thống phần mềm mapping office để biên tập thành lập bản đồ địa chính và số hóa biên tập bản đồ chuyên đề

9.6.64. Giao đất, thu hồi đất: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần nghiên cứu những vấn đề giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và thu hồi đất.

9.6.65. Kinh tế đất: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về đại cương về kinh tế tài nguyên đất; địa tô và chính sách kiểm soát dân số; cơ sở khoa học nghiên cứu kinh tế đất; phương pháp phân tích kinh tế đất; đánh giá hiệu quả sử dụng đất; thị trường nhà đất và công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

9.6.66. Hệ thống thông tin đất (LIS): 2TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần bao gồm những kiến thức chung về hệ thống thông tin đất; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất; hệ thống thông tin địa chính; tính kinh tế của hệ thống thông tin đất.

9.6.67. Khởi sự kinh doanh: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết đưa doanh nghiệp phát triển.

9.6.68. Thực tập 1: Kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất và Đăng ký, thống kê đất đai: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung cơ bản về đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và hiện trạng sử dụng đất của đơn vị hành chính; lập phương án quy hoạch sử dụng đất; lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai.

9.6.69. Thực tập 2: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai: 4TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước đất đai

Học phần gồm các nội dung cơ bản trong công tác quản lý đất đai như giao đất, thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất; định giá đất; kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất; thanh tra đất đai; đăng ký, thống kê đất đai; bồi thường giải phóng mặt bằng; đo đạc, lập bản đồ; ...

9.6.70. Khóa luận tốt nghiệp: 10TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý nhà nước đất đai

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1, thực tập 2

Người học có thể thực hiện một trong các hướng nghiên cứu như: Đánh giá hiện trạng sử dụng đất; đánh giá tác động của đô thị hóa đến chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất. công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất; công tác chuyển quyền, việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất; đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; công tác giải quyết tranh chấp, thanh tra, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, lập lưới khống chế, lưới đo vẽ chi tiết; ứng dụng các phần mềm chuyên ngành thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lý đất đai; công tác đăng ký đất đai, đăng ký biến động đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác thống kê, kiểm kê đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đánh giá việc thực hiện xây dựng nông thôn mới; công tác tài chính về đất đai và thị trường bất động sản...

9.6.71. Thuế nhà đất: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đất đai

Học phần Thuế nhà đất nghiên cứu các vấn đề về lý luận của thuế, thuế tài nguyên, khái niệm về thuế nhà đất, đặc điểm thuế nhà đất, các loại phí và lệ phí trong quản lý đất đai.

9.6.72. Pháp luật xây dựng và nhà ở: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Đăng ký thống kê đất đai

Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản xây dựng và nhà ở được quy định trong Luật Xây dựng và Luật Nhà ở.

9.6.73. Thực tập đo vẽ bản đồ địa chính: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Bản đồ địa chính

Học gồm một số kiến thức cơ bản về đo đạc chi tiết thực địa để thành lập một mảnh bản đồ địa chính theo đúng quy định hiện hành.

9.6.74. Rèn nghề thanh tra đất đai: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Thanh tra đất đai

Thực tập thanh tra đất đai bao gồm những nội dung về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; công tác giải quyết tranh chấp đất đai và công tác xử phạt vi phạm hành chính về đất đai.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

* Quốc tế; Trường Đại học Cộng Đồng công nghệ ZHEJIANG; Trường Đại học Nông nghiệp Quốc gia Nga

* Việt Nam; Trường Đại học Nông Lâm - Thái nguyên; Trường Đại học Hồng Đức - Thanh Hoá; Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Trong quá trình đối sánh cho thấy khối lượng kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (đại học, chính quy, tín chỉ) do Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp trường Đại học Tân Trào xây dựng hiện đang xây dựng so với các chương trình đào tạo của các trường Đại học khác cho thấy: chương trình đào tạo của trường ĐH Tân Trào là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của xã hội và Bộ GD - ĐT.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.